

GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1930-1954

- Câu 1.** Phong trào cách mạng 1930-1931 nổ ra do
- truyền thống yêu nước của dân tộc.
 - hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế.
 - chính sách khủng bố đàn áp của thực dân Pháp.
 - sự ra đời và lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương.
- Câu 2.** Từ năm 1930, nền kinh tế Việt Nam
- bước đầu phát triển.
 - bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng.
 - phát triển mạnh mẽ.
 - đạt được nhiều thành tựu.
- Câu 3.** Cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1930 ở nước ta, bắt đầu từ lĩnh vực nào ?
- Công nghiệp.
 - Nông nghiệp.
 - Xuất khẩu hàng hóa.
 - Thương nghiệp.
- Câu 4.** Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ở nước ta làm cho giai cấp, tầng lớp nào bị bán cùng hóa nhiều nhất ?
- Công nhân.
 - Nông dân.
 - Tiểu tư sản.
 - Tiểu thương, tiểu chủ.
- Câu 5.** Khẩu hiệu trong cuộc biểu tình của nhân dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12/9/1930 là
- “Độc lập dân tộc” và “Người cày có ruộng”.
 - “Đả đảo đế quốc Pháp”, “Đả đảo Nam triều”, “Nhà máy về tay thợ thuyền”...
 - “Tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình”.
 - “Đả đảo phong kiến”, “Thả tù chính trị”.
- Câu 6.** Sự kiện lịch sử nào đánh dấu đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 ?
- Các cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930 trên phạm vi cả nước.
 - Cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).
 - Sự ra đời của chính quyền Xô Viết Nghệ-Tĩnh.
 - Từ tháng 6 đến tháng 8 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân...
- Câu 7.** Nội dung nào sau đây không thuộc về chính sách kinh tế mà chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện ?
- Chia ruộng đất cho dân cày nghèo.
 - Bãi bỏ thuế thân, thuế đò, thuế muối.
 - Xóa nợ cho người nghèo.
 - Tịch thu nhà máy xí nghiệp của thực dân Pháp.
- Câu 8.** Địa phương nào là nơi diễn ra quyết liệt nhất trong phong trào cách mạng 1930-1931?
- Yên Bái.
 - Vinh-Bến Thủy.
 - Thanh Hóa.
 - Nghệ-Tĩnh.
- Câu 9.** Xô viết Nghệ-Tĩnh đã thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” như thế nào ?
- Bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối.
 - Xóa nợ cho người nghèo.
 - Chia ruộng đất cho dân cày.
 - Lập ra các tổ chức để nông dân giúp đỡ nhau trong sản xuất.

- Câu 10.** Nội dung nào sau đây khẳng định Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 ?
- A. Đã có sự liên minh giữa công nhân và nông dân.
 - B. Thành lập chính quyền Xô viết ở nhiều địa phương.
 - C. Địa bàn đấu tranh rộng lớn.
 - D. Do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo.
- Câu 11.** Người soạn thảo Luận cương chính trị của Đảng vào tháng 10 năm 1930 là
- A. Trần Phú.
 - B. Nguyễn Ái Quốc.
 - C. Lê Duẩn.
 - D. Lê Hồng Phong.
- Câu 12.** So với cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương chính trị (10/1930) có sự khác biệt về
- A. mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.
 - B. phương pháp cách mạng.
 - C. lãnh đạo cách mạng.
 - D. nhiệm vụ cách mạng và lực lượng cách mạng.
- Câu 13.** Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là
- A. công nhân, nông dân.
 - B. công nhân, nông dân, binh lính.
 - C. tư sản, công nhân, nông dân.
 - D. trung tiểu địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.
- Câu 14.** Điểm nào chứng tỏ tính chất quyết liệt của phong trào cách mạng 1930-1931?
- A. Đối tượng cách mạng là đế quốc và phong kiến.
 - B. Phương pháp đấu tranh: dùng bạo lực cách mạng, lật đổ chính quyền tay sai.
 - C. Lực lượng tham gia đấu tranh gồm đông đảo công nhân và nông dân.
 - D. Phạm vi nổ ra rộng khắp trong cả nước.
- Câu 15.** Phong trào cách mạng có ý nghĩa là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám là
- A. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1925.
 - B. Phong trào cách mạng 1930-1931.
 - C. Phong trào cách mạng 1932-1935
 - D. Phong trào dân chủ 1936 – 1939..
- Câu 16.** Nội dung nào sau đây không thuộc kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ -Tĩnh (9/1930) ?
- A. Hệ thống chính quyền thực dân phong kiến bị tan rã ở nhiều thôn, xã.
 - B. Nhiều Lí trưởng, Chánh tổng bỏ trốn.
 - C. Chính quyền thực dân Pháp tại Nghệ - Tĩnh đầu hàng.
 - D. Nhiều cấp ủy Đảng ở thôn, xã đã thành lập các Xô viết.
- Câu 17.** Điểm khác giữa phong trào cách mạng 1930-1931 so với phong trào đấu tranh trước đó là
- A. có sự tham gia của giai cấp công nhân và nông dân.
 - B. nổ ra khắp nơi trong cả nước.
 - C. kẻ thù đấu tranh trực tiếp là thực dân Pháp.
 - D. có Đảng cộng sản lãnh đạo.
- Câu 18.** Đặc điểm nổi bật nhất của phong trào 1930-1931 là
- A. vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công-nông.
 - B. tập hợp đông đảo quần chúng thành đội quân chính trị.
 - C. Đảng ta chỉ đạo kiên quyết trong đấu tranh.
 - D. cuộc đấu tranh bùng nổ khắp nơi trong cả nước.
- Câu 19.** Phong trào cách mạng 1930-1931 là phong trào đấu tranh hết sức quyết liệt, triệt để, vì

- A. lôi kéo đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.
- B. tấn công trực tiếp vào hệ thống chính quyền thực dân phong kiến.
- C. có sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- D. Có sự kết hợp khẩu hiệu đấu tranh kinh tế với khẩu hiệu đấu tranh chính trị.

Câu 20. Người dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương tham dự đại hội VII (7/1935) của quốc tế cộng sản là

- A. Trần Phú.
- B. Hà Huy Tập.
- C. Lê Hồng Phong.
- D. Nguyễn Thị Minh Khai.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong phong trào dân chủ 1936-1939 ?

- A. Chính phủ Pháp cải cách toàn diện ở Đông Dương.
- B. Chính phủ Pháp thực hiện khai thác thuộc địa lần thứ hai.
- C. Chính phủ Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.
- D. Chính phủ Pháp chủ trương chống phát xít, bảo vệ hòa bình.

Câu 22. Những năm 1936-1939, Đảng cộng sản Đông Dương xác định mục tiêu đấu tranh là đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình, vì

- A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
- B. ở Việt Nam có nhiều đảng phái hoạt động.
- C. đó là quyền lợi thiết thực, trước mắt của nhân dân Đông Dương.
- D. nguyện vọng đấu tranh của Đảng và nhân dân.

Câu 23. Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương những năm 1936-1939 là

- A. chống đế quốc Pháp, chống địa chủ phong kiến.
- B. đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập dân tộc.
- C. tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian chia cho dân cày nghèo.
- D. chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Câu 24. Trong thời kì 1936-1939, Đảng đề ra phương pháp đấu tranh là

- A. bí mật, hợp pháp.
- B. hòa bình kết hợp với vũ trang.
- C. công khai, hợp pháp, báo chí, nghị trường.
- D. công khai, bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Câu 25. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương được thành lập nhằm mục đích

- A. xây dựng khối liên minh công nông.
- B. liên minh công nhân với giới cấp tiểu tư sản.
- C. nhằm tập hợp đông đảo mọi lực lượng dân chủ, yêu nước trong xã hội.
- D. tập hợp tư sản, tiểu tư sản và địa chủ.

Câu 26. Đến 3/1938 Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương được đổi tên thành

- A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- B. Hội phản đế đồng minh.
- C. Mặt trận Việt Minh.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 27. Những nội dung nào dưới đây không nằm trong đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng ta trong phong trào dân chủ 1936-1939 ?

- A. Chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.
- B. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- C. Chống thực dân Pháp và phát xít Nhật.
- D. Phương pháp đấu tranh là kết hợp công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Câu 28. Phong trào dân chủ (1936-1939) được coi là cuộc tập dượt lần thứ mấy cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 ?

- A. Lần thứ nhất.
- B. Lần thứ hai.
- C. Lần thứ ba.
- D. Lần cuối.

Câu 29. Phong trào dân chủ 1936-1939 diễn ra vì

- A. mâu thuẫn của các tầng lớp nhân dân ta với thực dân phong kiến đã gay gắt.
- B. chủ trương của Hội nghị (7-1936) phù hợp với lợi ích của các tầng lớp nhân dân.
- C. Chính phủ Pháp cho thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.
- D. lực lượng của Đảng đã được hồi phục.

Câu 30. Nhật tiến hành đảo chính Pháp ngày 9/3/1945 vì ?

- A. Quân Nhật tiếp tục giành thắng lợi ở khu vực châu Á Thái Bình Dương.
- B. Để rảnh tay đối phó với quân Đồng minh.
- C. Nhật không muốn bóc lột Đông Dương thông qua Pháp.
- D. Nhật muốn thể hiện sức mạnh của mình trước các nước Đồng minh.

Câu 31. Chính sách bóc lột của Pháp - Nhật, dẫn đến hậu quả vào cuối năm 1944 đầu 1945 là

- A. nền kinh tế lâm vào tình trạng kiệt quệ.
- B. gần 2 triệu đồng bào ta chết đói.
- C. đời sống nhân dân điêu đứng.
- D. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

Câu 32. Nội dung nào sau đây không thuộc về chính sách kinh tế-xã hội của thực dân Pháp đã thực hiện trong những năm 1939-1945 ở nước ta ?

- A. Chính sách kinh tế chỉ huy.
- B. Tăng thuế cũ đặt thêm thuế mới.
- C. Nới rộng một số quyền tự do dân chủ.
- D. kiểm soát gắt gao việc sản xuất và phân phối, ấn định giá cả.

Câu 33. Hội nghị tháng 11/1939 và Hội nghị lần thứ 8 (5/1941) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là

- A. cách mạng ruộng đất.
- B. giải phóng dân tộc.
- C. khởi nghĩa từng phần.
- D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 34. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu vì

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã nổ ra.
- B. kẻ thù của nhân dân ta là thực dân Pháp đã suy yếu.
- C. quá trình chuẩn bị của Đảng đã sẵn sàng.
- D. tình hình trong nước và tình hình thế giới biến đổi mau lẹ.

Câu 35. Điểm giống nhau giữa nội dung của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941 là

- A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- B. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.
- C. xác định hình thái khởi nghĩa đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.
- D. khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô viết công nông binh được thay thế bằng khẩu hiệu lập chính phủ dân chủ công hòa.

Câu 36. Hội nghị Ban chấp hành Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5/1941) đã thành lập

- A. Hội Liên Việt.
- B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- C. Mặt trận Dân chủ.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 37. Mặt trận có vai trò quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 là

- A. Mặt trận Liên Việt.
 B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
 C. Mặt trận dân chủ.
 D. Mặt trận Việt Minh.
- Câu 38.** Nguyễn Ái Quốc quyết định về nước vào tháng 1/1941 là
 A. do chỉ đạo của Quốc tế cộng sản.
 B. do đề nghị của Đảng cộng sản Đông Dương.
 C. để chuẩn bị mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
 D. vì Người xa Tổ Quốc quá lâu.
- Câu 39.** Căn cứ địa cách mạng đầu tiên được Đảng ta xây dựng trong năm 1940 là
 A. Ba Tơ- Quảng Ngãi.
 B. Bắc Sơn-Võ Nhai.
 C. Khu giải phóng Việt Bắc.
 D. Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên.
- Câu 40.** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) đã xác định nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân là
 A. xây dựng lực lượng vũ trang.
 B. xây dựng căn cứ địa cách mạng.
 C. khởi nghĩa từng phần.
 D. chuẩn bị khởi nghĩa.
- Câu 41.** Trên cơ sở đội du kích Bắc Sơn, sang năm 1941, Việt Minh đã thành lập
 A. Trung đội Cứu quốc quân I.
 B. Trung đội Cứu quốc quân II.
 C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
 D. Việt Nam giải phóng quân.
- Câu 42.** Theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, tháng 12-1944, đã thành lập
 A. Đội du kích Bắc Sơn.
 B. Trung đội cứu quốc quân II.
 C. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
 D. Việt Nam Giải phóng quân.
- Câu 43.** Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp-Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, là chủ trương của Hội nghị
 A. Trung ương tháng 7-1936.
 B. Trung ương tháng 11-1939.
 C. Trung ương tháng 11-1940.
 D. Trung ương tháng 5-1941.
- Câu 44.** Ý nghĩa lịch sử của hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941) đối với phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn 1939-1945 là
 A. chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
 B. hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng đã đề ra tại hội nghị tháng 11-1939.
 C. giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
 D. củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
- Câu 45.** Coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, là chủ trương của Hội nghị
 A. Trung ương tháng 7-1936.
 B. Trung ương tháng 11-1939.
 C. Trung ương tháng 11-1940.
 D. Trung ương tháng 5-1941.
- Câu 46.** Nội dung nào sau đây không thuộc về quá trình chuẩn bị trực tiếp của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ?

- A. Xây dựng lực lượng chính trị.
 B. Xây dựng lực lượng vũ trang.
 C. Xây dựng chính quyền mới.
 D. Xây dựng căn cứ địa cách mạng.
- Câu 47.** Trong những ngày tiền khởi nghĩa, đông đảo nông dân tham gia vào
 A. các cuộc khởi nghĩa từng phần.
 B. các cuộc biểu tình bãi công, bãi thị chống Nhật.
 C. phong trào “phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói”.
 D. Phong trào chiến tranh du kích.
- Câu 48.** Nội dung nào sau đây không phải là đặc điểm của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945?
 A. Đã đập tan hoàn toàn bộ máy chính quyền đế quốc, phong kiến.
 B. Cuộc Tổng khởi nghĩa đã huy động được đông đảo nhân dân tham gia.
 C. Đi từ khởi nghĩa từng phần lên Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
 D. Cuộc Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi rất nhanh chóng và ít đổ máu.
- Câu 49.** Ngày 4/6/1945, theo chỉ thị của chủ tịch Hồ Chí Minh, khu giải phóng chính thức được thành lập gọi là
 A. Khu giải phóng Việt Bắc.
 B. Khu giải phóng miền Bắc.
 C. Khu giải phóng Cao-Bắc-Lạng
 D. Khu giải phóng Hà-Tuyên-Thái.
- Câu 50.** Thời cơ khách quan thuận lợi để Đảng ta quyết định ban bố lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc là
 A. vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
 B. Nhật đảo chính Pháp.
 C. quân Đồng minh đã vào nước ta.
 D. Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện.
- Câu 51.** Trong Tổng khởi tháng Tám năm 1945, những địa phương giành chính quyền sớm nhất là
 A. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn
 B. Hà Nội, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn.
 C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
 D. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng.
- Câu 52.** Mốc thời gian nào đánh dấu Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi hoàn toàn trong cả nước ?
 A. 23/8/1945.
 B. 25/8/1945.
 C. 28/8/1945.
 D. 2/9/1945.
- Câu 53.** Bản chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (3/1945) đã xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là
 A. phát xít Nhật.
 B. thực dân Pháp và tay sai.
 C. thực dân Pháp.
 D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.
- Câu 54.** Đầu tháng 5/1945, thống nhất hai đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân thành
 A. Việt Nam giải phóng quân.
 B. Quân đội nhân dân Việt Nam.
 C. Vệ quốc quân.
 D. Quân giải phóng Việt Nam.

- Câu 55.** Thông qua kế hoạch khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành chính quyền. Đó là nội dung của
- Hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng (3/1945).
 - Đại hội quốc dân Tân Trào (8/1945).
 - Hội nghị quân sự Bắc Kỳ (4/1945).
 - Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-14/8/1945).
- Câu 56.** Trong cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945, tù chính trị đã nổi dậy giành chính quyền ở
- Ba Tơ.
 - Bắc Sơn.
 - Sơn La.
 - Hòa Lồ.
- Câu 57.** Căn cứ cách mạng của cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới, là
- Căn cứ địa Việt Bắc.
 - Chiến khu Việt Bắc.
 - Khu giải phóng Việt Bắc.
 - Căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai.
- Câu 58.** Ngày 30/8/1945, vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam tuyên bố thoái vị là
- vua Bảo Đại.
 - vua Khải Định.
 - vua Đồng Khánh.
 - vua Duy Tân.
- Câu 59.** Thời cơ “ngàn năm có một” trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, được xác định vào thời gian nào ?
- Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp.
 - Khi Nhật đầu hàng Đồng minh.
 - Khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
 - Khi Nhật đầu hàng và Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương.
- Câu 60.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã “mở ra bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc ta” vì ?
- Đã kết thúc hoàn toàn ách đô hộ của phát xít Nhật.
 - Góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới.
 - Mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
 - Đã phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp, ách thống trị của Nhật và lật nhào ngai vàng phong kiến.
- Câu 61.** Nguyên nhân quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là
- truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
 - sự đoàn kết của các giai cấp tầng lớp trong xã hội.
 - do sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
 - hoàn cảnh thuận lợi, khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh.
- Câu 62.** Bản Tuyên ngôn độc lập được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại
- Quảng trường nhà hát lớn.
 - Quảng trường Lam Sơn.
 - Quảng trường Ba Đình.
 - Quảng trường ngày 1 tháng 5.
- Câu 63.** Yếu tố nào dưới đây có tác dụng làm cho cách mạng tháng Tám, nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu ?
- Do thời cơ khách quan thuận lợi.
 - Do thời cơ chủ quan thuận lợi.
 - Do Đảng ta chỉ đạo.
 - Do nhân dân ta yêu nước.

Câu 64. Cho các sự kiện sau:

1. Giành chính quyền ở Hà Nội.
2. Giành chính quyền ở Huế.
3. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
4. Giành chính quyền ở Sài Gòn.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian

- A. 1,2,3,4.
- B. 1,2,4,3.
- C. 3,2,4,1.
- D. 4,3,1,2.

Câu 65. Trong tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã giành chính quyền từ tay

- A. Thực dân Pháp.
- B. Triều Nguyễn.
- C. Chính phủ Trần Trọng Kim.
- D. Phát xít Nhật.

Câu 66. Sau ngày 2- 9 - 1945, quân đội Đồng minh nào vào nước ta ?

- A. Anh, Mĩ.
- B. Anh, Trung Hoa dân quốc.
- C. Trung Hoa dân quốc, Mĩ.
- D. Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 67. Tình hình tài chính nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào ?

- A. Bước đầu được khôi phục.
- B. Hầu như trống rỗng.
- C. Phụ thuộc vào Pháp.
- D. Phụ thuộc vào Nhật.

Câu 68. Hậu quả nặng nề nhất về mặt văn hóa do thực dân Pháp để lại sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. nền văn hóa với nhiều thành tựu.
- B. hơn 90% dân số không biết chữ.
- C. nền văn hóa phong kiến lạc hậu.
- D. nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 69. Sau ngày 2 - 9 -1945, khó khăn lớn nhất đã đẩy nước ta vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” là

- A. khó khăn về kinh tế.
- B. khó khăn về tài chính.
- C. 90% dân số mù chữ.
- D. phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng lúc.

Câu 70. Nội dung nào sau đây không phải là yếu tố thuận lợi của nước ta sau cách mạng 1945 ?

- A. Quân đồng minh tiến vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật.
- B. Nhân dân ta giành được chính quyền nên phấn khởi và gắn bó với chế độ.
- C. Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.
- D. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nổ ra mạnh mẽ.

Câu 71. Quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai vào nước ta thực chất nhằm mục đích gì ?

- A. Tước khí giới quân đội Nhật.
- B. Giúp đỡ chính quyền cách mạng nước ta.
- C. Nhằm lật đổ chính quyền cách mạng.
- D. Nhằm tiêu diệt quân đồng minh.

Câu 72. Để khắc phục khó khăn về tài chính, trong năm 1946, Chính phủ đã

- A. phát động tăng gia sản xuất.
- B. phát động xây dựng “Quĩ độc lập” và phong trào “tuần lễ vàng”.
- C. phát động phong trào nhường cơm sẻ áo.

- D. phát động ngày đồng tâm.
- Câu 73.** “Nha bình dân học vụ” được thành lập vào tháng 8/1945, là cơ quan chuyên trách về
- chống “giặc đốt”.
 - giáo dục.
 - văn hóa.
 - văn hóa, giáo dục.
- Câu 74.** Cuộc vận động xây dựng “Quĩ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng”, do Chính phủ phát động nhằm mục đích
- giải quyết khó khăn về mặt tài chính.
 - phục vụ đời sống nhân dân.
 - giải quyết nạn đói.
 - khôi phục sản xuất nông nghiệp.
- Câu 75.** Để giải quyết căn bản nạn đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã kêu gọi nhân dân
- tăng gia sản xuất.
 - nhường cơm sẻ áo.
 - tổ chức “ngày đồng tâm”.
 - lập “hũ gạo cứu đói”.
- Câu 76.** Mục đích của cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946 là
- bầu ra những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội.
 - bầu ra Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
 - bầu hội đồng nhân dân các cấp.
 - bầu ủy ban hành chính các cấp.
- Câu 77.** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ 6/3/1946,
- vì Pháp và chính phủ Trung Hoa Dân quốc đã kí Hiệp ước Hoa-Pháp.
 - để tránh việc chống lại cả Pháp và Trung Hoa Dân quốc cùng một lúc.
 - vì Pháp đã hoàn thành chiếm đóng ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
 - vì Pháp chuẩn bị tiến công ra miền Bắc.
- Câu 78.** Hồ Chủ tịch kí Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946 với Pháp nhằm mục đích
- Nhanh chóng tiêu diệt 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc.
 - Đẩy quân Trung Hoa dân quốc đánh nhau với thực dân Pháp.
 - Kéo dài thời gian, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp sắp tới.
 - Trấn áp các tổ chức cách mạng trong nước.
- Câu 79.** Nội dung nào dưới đây không nằm trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 ?
- Ta tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế-văn hóa.
 - Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
 - Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc và rút dần trong 5 năm.
 - Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- Câu 80.** Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Tạm ước ngày 14/9/1946 với đại diện Chính phủ Pháp, đã
- tránh được cuộc đối đầu bất lợi, vì phải chống nhiều kẻ thù cùng một lúc.
 - kéo dài thêm thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sắp tới.
 - tránh được cuộc chiến tranh với các nước đồng minh.
 - đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.
- Câu 81.** Trước ngày 6/3/1946, Đảng và Hồ Chủ tịch chủ trương hoà với Trung Hoa Dân quốc vì
- Trung Hoa Dân quốc đang mạnh.
 - Trung Hoa Dân quốc có Mỹ hậu thuẫn.
 - Pháp đang quay lại xâm lược nước ta.
 - tập trung chống kẻ thù chính là thực dân Pháp.

- Câu 82.** Thắng lợi của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt ngoại giao trong việc kí Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) là
- A. đuổi được quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
 - B. buộc Pháp phải công nhận nước Việt Nam là quốc gia tự do.
 - C. thể hiện thiện chí hòa bình của dân tộc ta.
 - D. tránh được cuộc xung đột với Pháp ở miền Bắc.
- Câu 83.** Nội dung nào sau đây là quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 ?
- A. Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc.
 - B. Pháp công nhận nước ta là nước độc lập, có chính quyền và quân đội riêng.
 - C. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, có chính quyền riêng, quân đội riêng...
 - D. Hai bên ngừng bắn tại Nam Bộ.
- Câu 84.** Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) có lợi thực tế cho ta ?
- A. Ta tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế-văn hóa.
 - B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
 - C. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc và rút dần trong 5 năm.
 - D. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.
- Câu 85.** Việc kí Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và bản Tạm ước (14/9/1946) với Pháp, chứng tỏ
- A. chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và chính phủ ta.
 - B. Sự thỏa hiệp của Đảng và chính phủ ta.
 - C. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
 - D. Sự suy yếu của lực lượng cách mạng.
- Câu 86.** Nội dung cơ bản của bản Tạm ước ngày 14/9/1946 được kí kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện chính phủ Pháp là
- A. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.
 - B. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về chính trị và quân sự.
 - C. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.
 - D. ta chấp nhận để 15.000 quân Pháp ra miền Bắc nước ta.
- Câu 87.** Thông qua các văn kiện lịch sử: Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi. Đảng ta đã vạch ra những nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp là
- A. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
 - B. toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
 - C. từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
 - D. chiến tranh du kích tiến tới cách đánh vận động chiến.
- Câu 88.** Hành động nào của thực dân Pháp vào ngày 18/12/1946 buộc nhân dân ta phải cầm súng chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 ?
- A. Mở các cuộc tiến công ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
 - B. Khiêu khích tiến công ta ở Lạng Sơn và Hải Phòng.
 - C. Quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn vào nhiều nơi ở Hà Nội.
 - D. Gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta giải tán lực lượng chiến đấu ở Hà Nội.
- Câu 89.** Cuộc chiến đấu tại Hà Nội từ ngày 19/12/1946 đến ngày 17/2/1947 đã
- A. bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ về căn cứ lãnh đạo kháng chiến.
 - B. tiêu diệt lực lượng quan trọng của quân Pháp.
 - C. Làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của địch.
 - D. tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- Câu 90.** Mục đích quan trọng nhất trong cuộc tiến công qui mô lớn lên Việt Bắc vào thu đông năm 1947 của thực dân Pháp là
- A. tiêu diệt quân chủ lực của ta.

- B. bao vây, cô lập căn cứ địa Việt Bắc.
 C. triệt đường liên lạc quốc tế giữa Việt Nam với các nước chủ nghĩa xã hội.
 D. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- Câu 91.** Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chiến thắng nào buộc Pháp chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với ta ?
 A. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947.
 B. Chiến thắng biên giới thu - đông 1950.
 C. Chiến thắng Hòa Bình đông - xuân 1951-1952.
 D. Chiến thắng Tây Bắc thu - đông 1952.
- Câu 92.** Cuộc tấn công lên Việt Bắc năm 1947 của thực dân Pháp nhằm thực hiện kế hoạch
 A. đánh lâu dài.
 B. đánh nhanh thắng nhanh.
 C. « dùng người Việt đánh người Việt ».
 D. « lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ».
- Câu 93.** Chiến thắng Việt Bắc thu-đông năm 1947 có ý nghĩa lịch sử gì ?
 A. Loại khỏi vòng chiến đấu 6.000 quân địch, Việt Bắc trở thành mô chôn của thực dân Pháp.
 B. Tịch thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh của thực dân Pháp.
 C. Khai thông biên giới với Trung Quốc.
 D. Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh, từ “ đánh nhanh thắng nhanh” chuyển sang “đánh lâu dài” với ta.
- Câu 94.** Mở đầu chiến dịch Biên Giới quân ta tấn công vào
 A. Đông Khê.
 B. Thất Khê.
 C. Cao Bằng.
 D. Na Sầm.
- Câu 95.** Năm 1950, sự kiện lịch sử nào có ảnh hưởng thuận lợi đến cách mạng nước ta ?
 A. Tháng 2/1950, Mỹ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại.
 B. Tháng 5/1950, Mỹ đồng ý viện trợ kinh tế quân sự cho Pháp.
 C. Đầu năm 1950, các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.
 D. Với sự đồng ý của Mỹ, chính phủ Pháp đã thông qua kế hoạch Rôve.
- Câu 96.** Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 nhằm mục đích
 A. bảo vệ thủ đô Hà Nội.
 B. phá tan cuộc tiến công mùa đông của thực dân Pháp.
 C. đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.
 D. tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.
- Câu 97.** Trong các chiến thắng sau đây, chiến thắng nào đã đưa quân đội ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ ?
 A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16.
 B. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947.
 C. Chiến dịch Biên giới năm 1950.
 D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Câu 98.** Năm 1949 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rôve với nội dung
 A. nhảy dù tấn công Việt Bắc lần thứ hai.
 B. muốn dựa vào Mỹ kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
 C. cắt đứt liên lạc giữa Việt Bắc với bên ngoài.
 D. khóa chặt biên giới Việt Trung và thiết lập hành lang Đông-Tây.
- Câu 99.** Nội dung nào sau đây không phải là mục tiêu của ta trong chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950 ?
 A. Tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- B. Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới.
 C. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
 D. Phá phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.
- Câu 100.** Trận đánh có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên Giới thu- đông năm 1950 là
 A. Thất Khê.
 B. Đông Khê.
 C. Đồng Đăng.
 D. Cao Bằng.
- Câu 101.** Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Đó là kết quả của chiến thắng
 A. Tây Bắc 1953.
 B. Điện Biên Phủ 1954.
 C. Biên giới 1950.
 D. Việt Bắc 1947.
- Câu 102.** Ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên địch, giải phóng vùng biên giới Việt-Trung với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông-Tây của Pháp. Đó là kết quả của chiến dịch
 A. Tây Bắc 1953.
 B. Điện Biên Phủ 1954.
 C. Biên giới 1950.
 D. Việt Bắc 1947.
- Câu 103.** Tháng 12/1950 Mỹ kí với Pháp “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” nhằm mục đích
 A. kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
 B. Mỹ hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.
 C. Mỹ tham chiếm trực tiếp với Pháp ở Đông Dương.
 D. Mỹ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
- Câu 104.** Pháp thực hiện kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi vào cuối năm 1950, dựa vào
 A. viện trợ của Mỹ.
 B. sức mạnh quân sự của Pháp.
 C. lực lượng người Việt trong quân đội Pháp.
 D. kinh tế nước Pháp đã khôi phục sau chiến tranh.
- Câu 105.** Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chiến dịch đầu tiên do ta chủ động mở là
 A. chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.
 B. chiến dịch biên giới thu - đông 1950.
 C. chiến dịch Tây Bắc thu – đông 1952.
 D. chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.
- Câu 106.** Tại đại hội Đảng lần thứ II (1951), Đảng ta ra hoạt động công khai với tên gọi
 A. Đảng cộng sản Việt Nam.
 B. Đảng lao động Việt Nam.
 C. Đảng cộng sản Đông Dương.
 D. Đảng xã hội Việt Nam.
- Câu 107.** Sự kiện chính trị nào diễn ra vào ngày 11/3/1951 thể hiện liên minh đoàn kết của ba nước Đông Dương ?
 A. Bộ đội ta mở chiến dịch Trung Lào.
 B. Bộ đội ta mở chiến dịch Thượng Lào.
 C. Thành lập liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.
 D. Bộ đội ta mở chiến dịch Đông Bắc Campuchia.
- Câu 108.** Để phá vỡ kế hoạch Nava, Đảng ta chủ trương
 A. đánh vào phòng tuyến vững chắc của địch.
 B. đánh vào hướng chiến lược quan trọng.

- C. đánh vào nơi địch yếu để đảm bảo chắc thắng.
D. tiến công vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu.
- Câu 109.** Kế hoạch quân sự Nava do Pháp-Mĩ vạch ra nhằm
A. thực hiện kế hoạch đánh lâu dài.
B. thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.
C. dùng người Việt trị người Việt.
D. giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- Câu 110.** Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Nava vì
A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng.
B. Điện Biên Phủ được Pháp chiếm đóng từ rất lâu.
C. Điện Biên Phủ xa hậu phương của ta.
D. Điện Biên Phủ bảo vệ được Tây Bắc và Thượng Lào.
- Câu 111.** Đợt tiến công đầu tiên từ ngày 13 đến ngày 17/3/1954 trong chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra ở đâu ?
A. Trung tâm Mường Thanh.
B. Phân khu phía Bắc.
C. Phân khu phía Nam.
D. Phía Đông Mường Thanh.
- Câu 112.** Ngày 7/5/1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, bắt sống toàn bộ tham mưu của địch và tướng
A. Nava.
B. Rove.
C. Đờ Cátxtori.
D. Bôlae.
- Câu 113.** Góp phần quyết định vào thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ, đó là ý nghĩa lịch sử của
A. chiến dịch Thượng Lào (1/1954).
B. chiến dịch Bắc Tây Nguyên (2/1954).
C. chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
D. chiến dịch Trung Lào (12/1953).
- Câu 114.** Tháng 12/1953, Bộ chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ với mục tiêu là
A. kết thúc cuộc chiến tranh với Pháp.
B. giải phóng Tây Nguyên và Trung Lào.
C. tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc và tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
D. đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.
- Câu 115.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là
A. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi.
B. giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
C. làm phá sản kế hoạch Nava, kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
D. đây là chiến thắng quan trọng nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Câu 116.** Nội dung nào trong Hiệp định Giơnevơ thể hiện thắng lợi lớn nhất của dân tộc ta ?
A. Các bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
B. Các bên tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương.
C. Các nước đế quốc không được can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.
D. Trách nhiệm thi hành hiệp định thuộc về những người kí kết và những người kế tục sự nghiệp của họ.
- Câu 117.** Theo Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, ở Việt Nam, vĩ tuyến nào được lấy làm giới tuyến quân sự tạm thời ?
A. Vĩ tuyến 14.
B. Vĩ tuyến 15.

C. Vĩ tuyến 16.

D. Vĩ tuyến 17.

Câu 118. Nguyên nhân giữ vị trí quan trọng đứng sau vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp là

A. hệ thống chính quyền dân chủ trong cả nước.

B. mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố mở rộng.

C. toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động.

D. hậu phương rộng lớn vững chắc về mọi mặt.

Câu 119. Cho các sự kiện sau:

1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16.

2. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

3. Chiến dịch Biên giới.

4. Chiến dịch Việt Bắc.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian.

A. 1,2,3,4.

B. 1,4,3,2.

C. 3,2,4,1.

D. 4,3,1,2.

Câu 120. Cho các sự kiện sau:

1. Bản tạm ước.

2. Hiệp định Giơnevơ.

3. Hiệp định Pari.

4. Hiệp định sơ bộ.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian

A. 1,2,3,4.

B. 1,4,3,2.

C. 3,2,4,1.

D. 4,1,2,3.

ĐÁP ÁN

1-A	2-B	3-B	4-B	5-B	6-B	7-D	8-D
9-C	10-B	11-A	12-D	13-A	14-B	15-C	16-C
17-D	18-A	19-B	20-A	21-C	22-C	23-D	24-D
25-C	26-C	27-C	28-A	29-B	30-B	31-B	32-C
33-B	34-D	35-A	36-D	37-D	38-C	39-B	40-D
41-A	42-C	43-C	44-B	45-B	46-C	47-C	48-C
49-A	50-D	51-C	52-C	53-A	54-A	55-D	56-A
57-C	58-A	59-D	60-D	61-C	62-C	63-A	64-B
65-D	66-B	67-B	68-B	69-D	70-A	71-A	72-B
73-A	74-A	75-A	76-A	77-B	78-C	79-A	80-B
81-B	82-B	83-C	84-C	85-A	86-A	87-A	88-D
89-A	90-D	91-B	92-B	93-D	94-A	95-C	96-D
97-C	98-D	99-D	100-B	101-D	102-C	103-D	104-A
105-C	106-B	107-C	108-D	109-D	110-A	111-B	112-C

113-C	114-C	115-C	116-B	117-D	118-C	119-B	120-B
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

ĐÀ NẴNG

CHƯƠNG IV, V, (GIAI ĐOẠN 1954 -2000) GỒM BÀI 21 ĐẾN 26.

- Câu 1.** Đặc điểm tình hình nước ta sau 1954 là
- A. đất nước bị chia cắt thành hai miền.
 - B. Mĩ can thiệp vào miền Nam.
 - C. miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.
 - D. quân đội Pháp đã rút khỏi nước ta.
- Câu 2.** Sau năm 1954, Mĩ chống phá hiệp định Giơnevơ bằng việc
- A. đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam.
 - B. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.
 - C. bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.
 - D. đưa Dương Văn Minh lên nắm quyền ở miền Nam Việt Nam.
- Câu 3.** Miền Bắc nước ta chính thức giải phóng hoàn toàn khi
- A. bộ đội ta tiếp quản Thủ đô Hà Nội ngày 10/10/1954.
 - B. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô ngày 1/1/1955.
 - C. toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng) ngày 16/5/1955.
 - D. hiệp định Giơ ne vơ được ký kết ngày 21/7/1954.
- Câu 4.** Các chiến thuật mới như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, được Mĩ áp dụng trong chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?
- A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 - B. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
 - D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
- Câu 5.** Hình thức đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, là
- A. đấu tranh vũ trang.
 - B. đấu tranh chính trị.
 - C. khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ.
 - D. dùng bạo lực cách mạng.
- Câu 6.** Trong những năm 1957 -1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn bởi
- A. bộ đội chủ lực tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơ ne vơ.
 - B. Mỹ - Diệm vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơ ne vơ.
 - C. ta không lường hết âm mưu của kẻ thù, quá chú trọng đấu tranh hòa bình.
 - D. Mỹ - Diệm ra “luật 10/59”, đẩy mạnh “diệt cộng”, “tổ cộng”.
- Câu 7.** Hội nghị nào đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm?
- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939.
 - B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941.
 - C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 tháng 1/1959.
 - D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 tháng 7/1973.
- Câu 8.** Nhấn mạnh: “ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác”, là nội dung của
- A. Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1/1959.
 - B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng tháng 9/1960
 - C. Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 năm 1973.
 - D. khẩu hiệu trong phong trào Đồng Khởi (1959 -1960).
- Câu 9.** Hình thức đấu tranh của phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) là
- A. đấu tranh chính trị.
 - B. đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành chính quyền.
 - C. khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.
 - D. đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang.

- Câu 10.** Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm, là quyết định của
- A. Hội nghị Trung ương lần thứ 15.
 - B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
 - C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
 - D. Hội nghị Trung ương lần thứ 21.
- Câu 11.** Hội nghị Trung ương lần thứ 15 tháng 1/1959, đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam như thế nào?
- A. Đấu tranh đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ.
 - B. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
 - C. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị để giành chính quyền về tay nhân dân.
 - D. Đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- Câu 12.** Tác động to lớn của phong trào “Đồng khởi”(1959-1960) là
- A. làm sụp đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.
 - B. hệ thống “áp chiến lược” sụp đổ, nhiều vùng nông thôn được giải phóng.
 - C. Mặt Trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
 - D. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- Câu 13.** Cách mạng miền Nam chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, gắn liền với thắng lợi của
- A. phong trào “Đồng khởi” (1959-1960).
 - B. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
 - C. cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
 - D. việc ký kết Hiệp định Pari (1973).
- Câu 14.** Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960), nổ ra do
- A. lực lượng cách mạng miền Nam đã lớn mạnh.
 - B. Mỹ - Diệm đẩy mạnh “tố cộng”, “diệt cộng”.
 - C. chính quyền Ngô Đình Diệm đã suy yếu.
 - D. mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với Mĩ - Diệm gay gắt hơn bao giờ hết.
- Câu 15.** Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, là ý nghĩa của
- A. phong trào thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công.
 - B. phong trào Đồng Khởi.
 - C. phong trào “tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”.
 - D. phong trào phá ấp chiến lược.
- Câu 16.** Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ?
- A. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
 - B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
 - C. Đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước sang giai đoạn mới, từ tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược.
 - D. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- Câu 17.** Trong những năm 1954- 1959, Mĩ – Diệm đã dùng nhiều thủ đoạn để củng cố chính quyền ở miền Nam, ngoại trừ
- A. mở chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.
 - B. thực hiện “trung cầu dân ý”, “bầu cử quốc hội”.
 - C. thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương.
 - D. phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

- Câu 18.** Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam trong những năm 1961 -1965, Đảng đã chủ trương thành lập cơ quan hay lực lượng nào ở miền Nam?
- Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
 - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
 - Trung ương Cục miền Nam, Quân giải phóng miền Nam.
 - Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- Câu 19.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) diễn ra tại Hà Nội trong hoàn cảnh
- cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn; miền Bắc giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.
 - cách mạng miền Nam phát triển sau phong trào Đồng Khởi; cách mạng miền Bắc còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh.
 - cách mạng miền Nam phát triển sau phong trào Đồng Khởi; miền Bắc giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.
 - cách mạng hai miền Nam Bắc gặp nhiều khó khăn cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.
- Câu 20.** Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta sau 1954 là
- thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
 - tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
 - đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.
 - hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất nước nhà.
- Câu 21.** Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) khẳng định: “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”, là nhiệm vụ của
- Cách mạng miền Bắc.
 - Cách mạng miền Nam.
 - Cách mạng cả nước.
 - Thủ đô Hà Nội.
- Câu 22.** Mục đích của Mỹ trong việc thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam là
- biến miền Nam Việt Nam thành thị trường độc chiếm của Mỹ ở Đông Nam Á.
 - biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ ở Đông Nam Á.
 - phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
 - phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta.
- Câu 23.** Đại hội lần III của Đảng (9/1960) được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định và đánh giá là
- “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.
 - “Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.
 - “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam”.
 - “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.
- Câu 24.** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng, Đảng ta có tên gọi mới là
- Đảng Cộng sản Đông Dương
 - Đảng Lao động Việt Nam.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - Đảng Cách mạng Việt Nam.
- Câu 25.** Lực lượng chính để tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam là
- quân đội Sài Gòn do Mỹ trang bị và chỉ huy
 - quân viễn chinh Mỹ.
 - quân đội Sài Gòn kết hợp với quân Mỹ, trong đó quân Mỹ là chính.
 - quân đội Sài Gòn kết hợp với quân Mỹ, trong đó quân đội Sài Gòn là chính.
- Câu 26.** Đại hội nào của Đảng được xác định là “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”?
- Đại hội lần thứ I.
 - Đại hội lần thứ II.

- C. Đại hội lần thứ III.
D. Đại hội lần thứ IV.
- Câu 27.** Cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc có vai trò
- quyết định đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.
 - quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.
 - quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.
 - quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.
- Câu 28.** Đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò
- quyết định.
 - quyết định nhất.
 - quyết định trực tiếp.
 - rất quan trọng.
- Câu 28.** Để hoàn thành nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, cách mạng miền Nam đóng vai trò như thế nào?
- Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc.
 - Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.
 - Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp.
 - Miền Nam là tiền tuyến, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.
- Câu 29.** Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với các chiến lược chiến tranh trước đó của Mỹ thực hiện ở Việt Nam là gì?
- Bắt tay với các nước lớn, chia rẽ Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa.
 - Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 - Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mỹ.
 - Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, nằm trong chiến lược toàn cầu.
- Câu 30.** Biện pháp được xem như “xương sống” của “Chiến tranh đặc biệt” là
- tăng cường viện trợ quân sự.
 - tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
 - tiến hành dồn dân, lập “ấp chiến lược”.
 - sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- Câu 31.** Bình định miền Nam trong 18 tháng, là mục tiêu của kế hoạch nào?
- Kế hoạch Xtalây - Taylo
 - Kế hoạch Giôn xon – Mác Namara.
 - Kế hoạch dồn dân lập “ấp chiến lược”.
 - Kế hoạch tiến công vào “đất thánh Việt cộng”.
- Câu 32.** Chiến thuật mới trong “Chiến tranh đặc biệt” là
- dồn dân lập “ấp chiến lược”.
 - thực hiện “vết dầu loang”, đánh chiếm từng bước.
 - “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
 - tấn công tổng lực về quân sự, chính trị kết hợp phá hoại miền Bắc.
- Câu 33.** Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là
- “dùng người Việt đánh người Việt”.
 - “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
 - dùng người Việt đánh người Đông Dương.
 - dùng người Đông Dương đánh người Việt.
- Câu 34.** Mỹ – Diệm xây dựng hệ thống “Áp chiến lược” nhằm mục đích
- làm cho chiến tranh tàn lụi dần.
 - tách dân khỏi cách mạng, nhằm cô lập lực lượng cách mạng.
 - hỗ trợ chương trình “bình định” miền Nam của Mỹ – Diệm.
 - kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

- Câu 35:** Thắng lợi cơ bản trong chống phá “bình định”, góp phần đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ là
- A. làm sụp đổ phần lớn hệ thống “áp chiến lược” của địch.
 - B. giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn.
 - C. phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị diễn ra mạnh.
 - D. phong trào Phật giáo diễn ra mạnh trong năm 1963.
- Câu 36:** Chiến thắng nào chứng tỏ, quân dân ta có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” ?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc (1-1963).
 - B. Chiến thắng Bình Giã (12-1964).
 - C. Chiến thắng Vạn Tường (8-1965).
 - D. Chiến thắng Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (6-1965).
- Câu 37:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai, quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược là
- A. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
 - B. Quảng Trị, Sài Gòn, Đông Nam Bộ.
 - C. rừng núi, nông thôn và đồng bằng.
 - D. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.
- Câu 38:** “Một tác không đi, một li không rời” là quyết tâm của nhân dân miền Nam trong phong trào nào?
- A. Phong trào Đồng Khởi.
 - B. Phong trào phá “áp chiến lược”.
 - C. Phong trào chống “bình định, lấn chiếm”.
 - D. Phong trào chống chiến dịch “vết dầu loang, tràn ngập lãnh thổ”.
- Câu 39:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai, quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch bằng cả ba mũi giáp công là
- A. chính trị, quân sự, binh vận.
 - B. chính trị, kinh tế, văn hóa.
 - C. chính trị, quân sự, kinh tế.
 - D. chính trị, kinh tế, binh vận.
- Câu 40:** “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản, gắn với chiến thắng
- A. Ấp Bắc (1-1963)
 - B. Bình Giã (12-1964).
 - C. Vạn Tường (8-1965).
 - D. Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (6-1965).
- Câu 41:** “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản hoàn toàn, gắn với chiến thắng
- A. Ấp Bắc (1-1963)
 - B. Bình Giã (12-1964).
 - C. Vạn Tường (8-1965).
 - D. Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (6-1965).
- Câu 42:** Thủ đoạn nào sau đây không được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?
- A. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân.
 - B. Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.
 - C. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
 - D. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.
- Câu 43:** Bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm là mục tiêu của kế hoạch nào?
- A. Kế hoạch Xtalây – Taylo.
 - B. Kế hoạch Nava.
 - C. Kế hoạch Đờ Lát Tatsxinhi.
 - D. Kế hoạch Giôn-xơn – Mác Namara.
- Câu 44:** Thủ đoạn nào sau đây không được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

- A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích.
 B. Mở rộng chiến tranh xâm lược toàn Đông Dương.
 C. Dồn dân lập “ấp chiến lược”.
 D. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.
- Câu 45.** Giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, làm cho chiến tranh tàn lụi dần, là âm mưu của Mỹ nằm trong chiến lược chiến tranh nào?
 A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 46.** Mỹ quyết định tiến hành “Chiến tranh cục bộ” trong hoàn cảnh
 A. sau khi thất bại trong “Chiến tranh một phía”.
 B. sau khi thất bại trong “Chiến tranh đặc biệt”.
 C. sau khi thất bại từ phong trào “Đồng khởi”.
 D. sau khi thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- Câu 47.** Âm mưu của Mỹ khi thực hiện “Chiến tranh cục bộ” là
 A. dùng người Việt đánh người Việt
 B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
 C. tạo ra ưu thế về mọi mặt, áp đảo quân chủ lực ta, giành thế chủ động trên chiến trường...
 D. nhanh chóng giành thắng lợi quyết định và kết thúc chiến tranh.
- Câu 48.** Thủ đoạn nổi bật của Mỹ trong “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là
 A. tăng nhanh số lượng quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu.
 B. trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
 C. gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngăn chặn chi viện cho miền Nam.
 D. mở nhiều cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.
- Câu 49.** Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là
 A. chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho).
 B. chiến thắng Núi Thành (Quảng Nam).
 C. chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).
 D. chiến thắng An Lão (Bình Định).
- Câu 50.** Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mỹ, mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam?
 A. Chiến thắng Ấp Bắc.
 B. Chiến thắng Vạn Tường.
 C. Chiến thắng trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).
 D. Chiến thắng Mậu Thân 1968.
- Câu 51.** Chiến thắng nào chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ?
 A. Chiến thắng Bình Giả
 B. Chiến thắng Ấp Bắc.
 C. Chiến thắng Ba Gia.
 D. Chiến thắng Vạn Tường.
- Câu 52.** Chiến thắng nào chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ?
 A. Chiến thắng Ấp Bắc
 B. Chiến thắng Đồng Xoài.
 C. Chiến thắng Vạn Tường.
 D. Chiến thắng Xuân Mậu Thân.

- Câu 53.** Trong mùa khô thứ nhất (1965 -1966), địch mở 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chính là
- Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
 - Đông Nam Bộ và Liên khu V.
 - Đông Nam Bộ và Quảng Trị.
 - Liên khu V và Tây Nguyên.
- Câu 54.** Đánh bại cuộc hành quân của hơn 2000 binh lính Sài Gòn do cố vấn Mỹ chỉ huy, với hàng chục máy bay, xe tăng yểm trợ, là chiến thắng
- Áp Bắc (2/1/1963).
 - Núi Thành (5/1965)
 - Vạn Tường (18/8/1965).
 - Áp Bình Giã (2/12/1964).
- Câu 55.** Đánh bại cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và nhiều máy bay...là kết quả của chiến thắng
- Áp Bắc (2/1/1963).
 - Núi Thành (5/1965)
 - Vạn Tường (18/8/1965).
 - Áp Bình Giã (2/12/1964).
- Câu 56.** Đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là ý nghĩa của
- phong trào Đồng Khởi.
 - chiến thắng Ấp Bắc.
 - chiến thắng Vạn Tường.
 - chiến dịch Tây nguyên.
- Câu 57.** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.
 - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
 - Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế xã hội sau chiến tranh.
- Câu 58.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ra đời trong hoàn cảnh nào?
- Sau thất bại của phong trào Đồng Khởi (1959-1960).
 - Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - Sau thất bại trong cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường.
 - Sau thất bại của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- Câu 59.** Xuất phát từ tương quan so sánh lực lượng có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mỹ trong năm bầu cử tổng thống, ta chủ trương
- mở chiến dịch Tây nguyên.
 - mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
 - mở cuộc tiến công chiến lược hè 1972.
 - mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Câu 60.** Đến cuối năm 1967, Mặt trận nào có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa?
- Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
 - Mặt trận Việt Minh.
 - Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
 - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Câu 61.** Trong chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam, quân viễn chinh Mỹ là lực lượng giữ vai trò chính ?
- Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 - Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 - Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

- Câu 62.** Chiến thắng quân sự nào làm cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ về cơ bản bị phá sản?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963)
 - B. Chiến thắng Bình Giã (2/12/1964)
 - C. Chiến thắng Đồng Xoài (6/1965)
 - D. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).
- Câu 63.** Thắng lợi nào đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh, thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”?
- A. Chiến thắng Vạn Tường.
 - B. Đập tan 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).
 - C. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 .
 - D. Tiến công chiến lược hè 1972.
- Câu 64.** Thất bại nào đã buộc Mỹ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến đàm phán ở Pari ?
- A. Thất bại trong 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).
 - B. Thất bại trong Xuân Mậu Thân 1968.
 - C. Thất bại trong cuộc tiến công chiến lược hè 1972.
 - D. Thất bại trong trận Điện Biên Phủ trên không 12 ngày đêm cuối năm 1972.
- Câu 65.** Lực lượng chủ yếu tham gia trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ là
- A. quân viễn chinh Mỹ.
 - B. quân đội Sài Gòn.
 - C. quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ.
 - D. quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- Câu 66.** Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, Mỹ thực hiện thủ đoạn nào?
- A. Dùng lính thủy đánh bộ mở nhiều cuộc hành quân càn quét.
 - B. Dùng lực lượng đặc công đặt bom mìn ở miền Bắc.
 - C. Dùng không quân ném bom miền Bắc.
 - D. Dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc.
- Câu 67.** Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ và vận do Mỹ chỉ huy, là nội dung của chiến lược chiến tranh nào?
- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 - B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .
 - C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 68.** Giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng xương máu người Việt, là âm mưu của Mỹ trong chiến lược chiến tranh nào?
- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 - B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .
 - C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 69.** Trong các chiến lược chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Việt Nam, chiến lược chiến tranh nào được xem là tổng lực, ác liệt và toàn diện nhất ?
- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 - B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .
 - C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 70.** Chiến lược chiến tranh nào Mỹ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
 B. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .
 C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 71.** Thủ đoạn bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta, được Mỹ thực hiện trong chiến lược
 A. “Chiến tranh đơn phương”.
 B. “Chiến tranh đặc biệt” .
 C. “Chiến tranh cục bộ”.
 D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 72.** Thủ đoạn nào sau đây không được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?
 A. Trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
 B. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.
 C. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 D. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.
- Câu 73.** Thủ đoạn nào sau đây không được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”?
 A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.
 B. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 C. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.
 D. Thỏa hiệp, hòa hoãn với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- Câu 74.** Sau Vạn Tường, khả năng đánh thắng quân Mỹ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân ta tiếp tục được thể hiện trong
 A. cuộc Tiến công chiến lược hè năm 1972.
 B. trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.
 C. hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.
 D. chiến dịch Đường số 14 – Phước Long.
- Câu 75.** Vừa ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao là thắng lợi của
 A. nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
 B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
 C. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.
 D. Mặt trận Liên Việt.
- Câu 76.** “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn...”, là đoạn trích trong nội dung của
 A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
 B. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh để cho toàn Đảng, toàn dân.
 C. Nghị quyết Trung ương lần thứ 15.
 D. Thư chúc tết đồng bào cả nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Câu 77.** Sự kiện nào biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mỹ?
 A. Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.
 B. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia tháng 4/1970.
 C. Hội nghị Pari năm 1973.
 D. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1973.
- Câu 78.** Từ ngày 30/4 đến ngày 30/6/1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân nước nào đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn?
 A. Phối hợp với quân dân Lào.

- B. Phối hợp với Liên Xô.
C. Phối hợp với Trung Quốc.
D. Phối hợp với quân dân Campuchia.
- Câu 79.** Nhằm chia cắt chiến trường Đông Dương, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, quân Mỹ và quân đội Sài Gòn đã mở cuộc hành quân
A. “Ánh sáng sao”.
B. “Lam Sơn 719”.
C. “Gianxơn Xiti”.
D. “Vết dầu loang”.
- Câu 80.** Quảng Trị được chọn để mở màn cho cuộc tiến công nào trong kháng chiến chống Mỹ?
A. Cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 - 1968.
B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Câu 81.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là:
A. Quảng Trị, Quảng Nam, Tây nguyên.
B. Quảng Nam, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Quảng Trị, Bình Thuận, Tây nguyên.
D. Quảng Trị, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.
- Câu 82.** Chiến thắng nào buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”)?
A. Chiến thắng Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
B. Chiến thắng Tiến công chiến lược năm 1972.
C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.
D. Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.
- Câu 83.** Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng... trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 là nhằm
A. phá hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.
B. trả đũa cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của ta.
C. giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mỹ.
D. uy hiếp tinh thần của quân dân miền Bắc.
- Câu 84.** Chiến thắng nào có ý nghĩa quyết định trực tiếp buộc Mỹ ký hiệp định Pari năm 1973?
A. Chiến thắng Tây nguyên.
B. Chiến thắng Huế - Đà Nẵng
C. Chiến thắng cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
D. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”.
- Câu 85.** Ý nào sau đây không đúng với ý nghĩa của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?
A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh.
B. Buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari năm 1973.
C. Buộc Mỹ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
D. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Câu 86.** Nội dung nào sau đây không thuộc Hiệp định Pari năm 1973?
A. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
B. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
C. Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24h ngày 27/1/1973.
D. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
- Câu 87.** Cho các sự kiện sau:

1. Hội nghị bốn bên tại bàn đàm phán Pari diễn ra phiên họp đầu tiên.
 2. Hiệp định Pari chính thức được ký kết và bắt đầu có hiệu lực.
 3. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.
 4. Ních Xon chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
- Hãy sắp xếp các sự kiện trên cho đúng với tiến trình lịch sử Việt Nam.

- A. 1, 2, 4, 3.
- B. 2, 1, 3, 4.
- C. 3, 2, 1, 4.
- D. 1, 3, 4, 2.

Câu 88. Cho các sự kiện sau:

1. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
 2. Hội nghị trung ương lần thứ 21.
 3. Hiệp định Pari chính thức được ký kết và bắt đầu có hiệu lực.
 4. Chiến thắng Phước Long.
- Hãy sắp xếp các sự kiện trên cho đúng với tiến trình lịch sử Việt Nam.

- A. 1, 3, 2, 4.
- B. 2, 3, 1, 4.
- C. 3, 2, 4, 1.
- D. 3, 2, 4, 1.

Câu 89. “Nhiệm vụ cơ bản của nhân dân miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công...” là nội dung của

- A. Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 của Đảng.
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng.
- C. Nghị quyết trung ương lần thứ 21 của Đảng.
- D. kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ chính trị.

Câu 90. Sự kiện đánh dấu Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương là

- A. tiến hành “Chiến tranh đặc biệt tăng cường” ở Lào.
- B. mở cuộc hành quân “Lam Sơn 719” ở đường 9 Nam Lào.
- C. chỉ đạo tay sai tiến hành đảo chính ở Campuchia.
- D. dùng quân đội Sài Gòn xâm lược Campuchia.

Câu 91. Buôn Ma Thuật được xem là trận đánh then chốt trong chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch đường số 14 – Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây nguyên
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 92. Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam, là thắng lợi của chiến dịch nào ?

- A. Chiến dịch Đường số 14 – Phước Long.
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. Chiến dịch Tây Nguyên.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 93. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi

- A. thể hiện sự “thần tốc, táo bạo” của quân dân ta.
- B. làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch ở Quân khu I.
- C. mở ra thời cơ giải phóng hoàn toàn Miền Nam.
- D. báo hiệu sự khủng hoảng của chính quyền và quân đội Sài Gòn.

Câu 94. Chiến thắng nào là cơ sở để Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 – 1976 ?

- A. Chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không”.
 B. Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.
 C. Chiến thắng chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
 D. Chiến thắng Đường 14- Phước Long.
- Câu 95.** Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mỹ và quân đội Sài Gòn (từ ngày 12 đến 23-3-1971) là có sự phối hợp của quân dân nước nào?
 A. Quân đội Việt Nam, quân dân Lào.
 B. Quân đội Việt Nam, quân dân Campuchia.
 C. Quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia.
 D. Quân dân Lào, Campuchia.
- Câu 96.** Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) được đánh giá là đại hội
 A. mở đầu công cuộc đổi mới.
 B. tiếp tục sự nghiệp đổi mới.
 C. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
 D. của sự mở rộng giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.
- Câu 97.** Cơ sở để Bộ Chính trị đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam là
 A. quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ đã rút khỏi miền Nam.
 B. sau Hiệp định Pari, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.
 C. khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.
 D. Mỹ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- Câu 98.** Trong Hiệp định Pari năm 1973, quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam được ghi nhận ở điểm nào?
 A. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.
 B. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
 C. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
 D. Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam.
- Câu 99.** Nguyên nhân có tính chất quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là
 A. nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.
 B. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.
 C. có hậu phương miền Bắc vững mạnh.
 D. tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- Câu 100.** “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa” là quyết định của Bộ Chính trị trước chiến dịch nào?
 A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.
 B. Chiến dịch Tây nguyên.
 C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
 D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Câu 101.** Cuộc tập kích chiến lược bằng B52 trong 12 ngày đêm của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng... cuối năm 1972 nhằm
 A. phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
 B. tàn phá thành phố Hà Nội, Hải Phòng.
 C. buộc ta ký Hiệp định Pari có lợi cho Mỹ.
 D. phô trương sức mạnh quân sự của Mỹ.
- Câu 102.** Chiến dịch mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là
 A. chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
 B. chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

- C. chiến dịch Tây nguyên.
- D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

- Câu 103.** Nội dung nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri ?
- A. Mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm ” vùng giải phóng.
 - B. Tiếp tục nhận viện trợ kinh tế của Mỹ.
 - C. Đề nghị Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự.
 - D. Đề nghị Mỹ lập Bộ chỉ huy quân sự ở Sài Gòn.
- Câu 104.** “Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”. Đó là nhận định của Đảng tại
- A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7-1973.
 - B. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 7-10-1974.
 - C. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.
 - D. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25-3-1975.
- Câu 105.** Căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào ngày 21/4/1975 là
- A. Phan Rang
 - B. Xuân Lộc.
 - C. Phước Long.
 - D. Bình Phước.
- Câu 106.** Thủ đoạn nào sau đây không được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?
- A. Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.
 - B. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.
 - C. Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.
 - D. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- Câu 107.** Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975, vì
- A. Tây Nguyên là “nóc nhà của Đông Dương”.
 - B. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà địch yếu.
 - C. Tây Nguyên là địa bàn thuận lợi cho tác chiến của ta.
 - D. Tây Nguyên là cơ sở, căn cứ địa của ta.
- Câu 108.** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ được thực hiện trong hoàn cảnh nào?
- A. Sau thất bại của phong trào Đồng Khởi.
 - B. Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 - C. Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - D. Sau thất bại của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- Câu 109.** Mỹ tiếp tục thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” là do thất bại trong
- A. chiến lược “Chiến tranh một phương”.
 - B. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 - C. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 - D. chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- Câu 110.** Kết thúc 21 năm chiến đấu và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là thành quả của
- A. chín năm kháng chiến chống Pháp.
 - B. chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.
 - C. cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
 - D. việc ký kết Hiệp định Pari năm 1973.
- Câu 111.** Nhận xét nào sau đây không đúng về Hiệp định Pari năm 1973?
- A. Hiệp định Pari là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước.

- B. Với Hiệp định Pari, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.
- C. Với Hiệp định Pari, miền Bắc được giải phóng, tạo thời cơ để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- D. Với Hiệp định Pari, ta đã “đánh cho Mỹ cút”, tạo thời cơ tiến lên “đánh cho ngụy nhào”.
- Câu 112.** Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị đề ra trong bối cảnh
- A. “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị phá sản.
- B. so sánh lực lượng thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.
- C. đấu tranh chống “bình định-lấn chiếm” giữa ta và địch diễn ra quyết liệt.
- D. nội bộ chính quyền Sài Gòn đang khủng hoảng.
- Câu 113.** Ngày 25/4/1976 được biết đến với sự kiện nào?
- A. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.
- B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.
- C. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp phiên đầu tiên.
- D. Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
- Câu 114.** Mở ra giai đoạn mới để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, là thắng lợi của
- A. việc ký hiệp định Pari năm 1973.
- B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- C. việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. sự kiện Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc (9/1977).
- Câu 115.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước là
- A. khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
- C. thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- D. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.
- Câu 116.** Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại đại hội nào?
- A. Đại hội IV (12/1976)
- B. Đại hội V (3/1982)
- C. Đại hội VI (12/1986)
- D. Đại hội VII (6/1991).
- Câu 117.** Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đảng xác định như thế nào tại đại hội VI tháng 12/1986?
- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- Câu 118.** Đại hội VI (12/1986) của Đảng đã xác định “Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ”, nhưng trong đó, trọng tâm là
- A. đổi mới về chính trị.
- B. đổi mới về kinh tế.
- C. đổi mới về ngoại giao, thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều nước.
- D. đổi mới về tổ chức, tư tưởng, văn hóa.
- Câu 119.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm 1976 – 1985 là
- A. do hậu quả của chiến tranh.
- B. do ta mắc phải “sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn trong việc lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện”.
- C. do chính sách cấm vận của Mỹ.

D. do tác động của cuộc khủng hoảng ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 120. Nguyên nhân cơ bản để Đảng đề ra đường lối đổi mới 12/1986 là

A. do tác động bởi đường lối đổi mới thành công ở Trung Quốc.

B. do đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội.

C. do tác động của xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỷ XX.

D. do tác động của cuộc khủng hoảng ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

ĐÁP ÁN

1-A	2-B	3-C	4-A	5-B	6-D	7-C	8-A
9-D	10-A	11-D	12-B	13-A	14-D	15-B	16-C
17-C	18-C	19-C	20-D	21-A	22-B	23-D	24-B
25-A	26-C	27-B	28-C	29-D	30-C	31-A	32-C
33-A	34-B	35-A	36-A	37-D	38-B	39-A	40-B
41-D	42-A	43-D	44-C	45-C	46-B	47-C	48-D
49-B	50-B	51-B	52-C	53-B	54-A	55-C	56-A
57-C	58-A	59-B	60-C	61-C	62-B	63-C	64-B
65-B	66-D	67-D	68-D	69-D	70-D	71-D	72-B
73-C	74-C	75-C	76-B	77-B	78-D	79-B	80-C
81-D	82-B	83-C	84-D	85-B	86-A	87-D	88-D
89-C	90-D	91-B	92-C	93-A	94-D	95-A	96-A
97-B	98-B	99-B	100-D	101-C	102-C	103-A	104-D
105-B	106-D	107-B	108-C	109-D	110-C	111-C	112-B
113-B	114-C	115-C	116-C	117-D	118-B	119-B	120-B